TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/DS-PT
Ngày: 05 – 3 - 2026
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín và ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc:*"Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2026/QĐ–PT ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 56/TB-TA ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Số C đường C, tổ F, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Nay là số C đường C, tổ F, thôn M, xã N, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số C đường B, tổ A, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Nay là số C đường B, tổ A, thôn M, xã N, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số G đường số F, tổ B, thôn E, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Nay là số G đường số F, tổ B, thôn S, xã N, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn ông Trịnh Đ trình bày: Ông Đ và ông Lê Văn H là hàng xóm giáp ranh hàng rào với nhau. Ông H mua diện tích đất sát nhà ông Đ nhưng bỏ hoang nên ông Đ dắt dê sang đó cho ăn cỏ. Khoảng đầu tháng 10 năm 2023, ông H nói ông Đ lùa dê về để ông H phun thuốc cỏ. Ông Đ nói với ông H là dê đang thời kỳ sinh sản nên đừng phun thuốc sẽ ảnh hưởng đến đàn dê và môi trường dân cư ở đó. Sau đó ông Đ lùa dê về và rào hàng rào lại. Ông Đ không biết ngày nào ông H phun thuốc nhưng ngày 13/10/2023 (Khoảng 10 ngày sau khi ông Đ nói chuyện với ông H) thì thấy cỏ bên đất ông H bị vàng lá, dê của ông Đ có hiện tượng sùi bọt mép. Lúc đầu là 04 con dê mẹ đang mang thai bị sùi bọt mép rồi có hiện tượng bị sinh non. Ông Đ có nhờ bà Nguyễn Thị Thu H1 là hàng xóm sang móc dê con trong bụng mẹ ra để cứu dê mẹ, nhưng khoảng 30 phút sau 02 con dê mẹ chết. Toàn bộ quá trình có ông Phạm Văn C là hàng xóm sang chứng kiến. Ông Đ có qua gặp ông H nói cho ông H biết, sau đó gọi thú y là ông Nguyễn Ngọc L xuống tiêm thuốc, cho thuốc uống và mang cám xuống cho cả bầy dê để cứu số dê còn lại. Ông L có nói nguyên nhân là do ngộ độc thuốc xịt cỏ, và nói nếu có thể chỉ cứu được dê mẹ chứ không cứu được dê con, và không đảm bảo dê mẹ có thể sống. Qua ngày hôm sau (14/10/2023), 02 con dê mẹ còn lại cũng chết. Ngày 15/10/2023, có 08 con dê cái có hiện tượng sảy thai. Ngày 17/10/2023, trưởng thôn và phó thôn lập biên bản hiện trường, có mời ông H nhưng ông H không sang, ông Đ trình bày ông H phun thuốc làm dê ngộ độc sảy thai chết. Trong biên bản ghi nhận có 32 con dê trưởng thành, trong đó có 04 con dê cái mang thai đang có hiện tượng sảy thai, 02 con dê cái sảy thai đã chết, 01 con dê đực, 25 con dê cái. Sau khi lập biên bản xong thì ông T đến và có ghi ý kiến trong biên bản là số dê chết thì mỗi bên chịu 01 nửa.

Ngày 25/10/2023, trưởng thôn mời các bên có liên quan lên hội trường thôn làm việc. Lúc này có ông H, ông Trần Văn T và ông Đ lên làm việc. Ông Đ trình bày có 04 con dê mẹ đã chết, có khoảng 40 con dê con bị chết trong bụng mẹ. Số dê cái còn lại trong đàn đều đang bị yếu, khả năng còn có con bị chết nữa. Ông Đ yêu cầu ông H bồi thường như sau: 1.500.000 đồng/con dê con, 5.000.000 đồng/con dê mẹ, tổng cộng 80.000.000 đồng. Ông H không đồng ý. Ông T nói có biết về việc dê con chết, không biết việc dê mẹ chết, nhưng không có ý kiến gì về việc bồi thường.

Ông Đ có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H2. Ngày 05/12/2023, Ủy ban nhân dân xã M các bên đến làm việc, ông Đ có trình bày có 14 con dê mẹ chết, 40 con dê con chết do sảy thai. Ông Đ yêu cầu ông H bồi thường như sau: 500.000 đồng/con dê con, 5.000.000 đồng/con dê mẹ, tổng cộng 90.000.000 đồng. Ông H nói số tiền nhiều quá nên không đồng ý bồi thường.

Theo đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu ông Lê Văn H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đàn dê của ông Đ với tổng số tiền 143.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng) như sau: 14 con dê lớn chết trị giá 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) (5.000.000 đồng/con); 41 con dê con chết do sảy thai trị giá 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) (500.000 đồng/con); T1 mua cám tổng hợp, dưỡng chất, mua thuốc giải độc, các vitamin C, D và khoáng chất, tổng cộng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Số dê vừa lớn, vừa nhỏ còn lại 17 con sức khỏe kém, yếu ớt, sức sống rất yếu không thể tiếp tục nuôi được trị giá 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) (2.500.000 đồng/con).

* *Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ trình bày:* Về giá trị tài sản đang tranh chấp trong vụ án là con dê, ông Đ thống nhất với đơn giá thể hiện tại Công văn số 382/CCCNTY-CNTY ngày 19/8/2024 của Chi cục chăn nuôi và thú y Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận. Không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản. Nay, ông Đ yêu cầu ông Lê Văn H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đàn dê của ông với tổng số tiền 173.800.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) như sau: 14 con dê lớn chết; Mỗi con nặng 45kg tổng trị giá là 14 x 45kg x 110.000 đồng/kg = 69.300.000 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng); 40 con dê con chết do sảy thai, mỗi con nặng 10kg tổng trị giá là 40 x 10kg x 130.000 đồng/kg = 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng); T1 mua cám tổng hợp, dưỡng chất, mua thuốc giải độc, các vitamin C, D và khoáng chất, tổng cộng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Số dê vừa lớn, vừa nhỏ còn lại 17 con sức khỏe kém, yếu ớt, sức sống rất yếu không thể tiếp tục nuôi được trị giá 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) (Đơn giá 2.500.000 đồng/con). Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm. Trước khi nộp đơn khởi kiện, ông Đ đã biết được không có cơ quan nào có thể thực hiện được việc giám định mẫu động vật bị ngộ độc nên trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Đ không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định với bất kỳ cơ quan nào.

2. Bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Ông H và ông Trịnh Đ là hàng xóm giáp ranh hàng rào với nhau. Khoảng năm 2020, ông Đ có lùa đàn dê của mình sang phần đất bỏ trống phía sau vườn nhà ông H để nuôi dê và ông Đ có rào lại đất ông H vào phần đất của ông, nhưng không nói gì với ông H. Khoảng năm 2023, ông H muốn cho ông Trần Văn T mượn đất để canh tác trồng cây dâu tằm nên có nói ông Đ thì ông Đ đồng ý trả lại đất và lùa dê về đất của ông Đ, ranh đất 02 nhà được rào lại bằng lưới B40. Sau khi thông báo thì 01 tuần sau, ông Trần Văn T sang phun thuốc khai hoang Q7 (Thuốc diệt cỏ) trên diện tích đất của ông H, ông Đ có nói ông T phun thuốc thì cách xa ranh đất ra 05 m chừa lại không phun. Phần đất giáp ranh với ông H là của người khác (Do ông Đ đã bán

cho người khác 08m ngang kéo dài hết đất), phần phía trước người ta sử dụng, phần phía sau ông Đ vẫn mượn để nuôi dê. Khoảng 05 ngày sau, ông Đ mang sang nhà ông H 02 con dê nói là bị sảy thai và đã chết. Ông H có nói ông Đ mời thú y xuống kiểm tra để biết nguyên nhân. Ông Đ có mời thú y hay không ông H không biết nhưng 01 tuần sau có trưởng thôn và phó trưởng thôn xuống nhà ông Đ làm hiện trường và lập biên bản, có mời ông H nhưng ông H có công việc nên ông T sang. Ông H không biết có thông qua nội dung cho các bên cùng nghe hay không. Sau đó có mời ông H, ông T, ông Đ lên hội trường thôn để hòa giải, lúc này ông H mới nghe ông Đ nói là có 32 con dê cái, mỗi con bình quân đẻ 02 con dê con, nhân lên là 64 con dê con. Giá là 1.500.000 đồng/con dê con, 5.000.000 đồng/con dê cái, và yêu cầu ông H bồi thường 50.000.000 đồng. Ông Đ nói lý do ông H phải bồi thường là do ông H xịt thuốc cỏ gây ảnh hưởng đến đàn dê của ông Đ. Ông H không đồng ý với lý do đó nên không đồng ý bồi thường.

01 tháng sau, Ủy ban nhân dân xã M mời ông H lên hòa giải, tại đây ông Đ vẫn cho rằng ông H xịt thuốc cỏ gây ảnh hưởng đàn dê nên yêu cầu bồi thường mười mấy con dê mẹ bị chết với tổng giá trị là hơn 80 triệu. Ông H không đồng ý vì không có gì thể hiện nguyên nhân chết của dê mà yêu cầu ông H bồi thường là không hợp lý. Thời điểm ông T phun thuốc trên đất ông H, ranh đất hai nhà vẫn được rào bằng lưới B40.

Nay, ông H không đồng ý với yêu cầu của ông Đ về việc buộc ông H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đàn dê của ông Trịnh Đ với tổng số tiền 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng) gồm: 15 con dê lớn chết trị giá 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) (5.000.000 đồng/con); 41 con dê chết do sảy thai trị giá 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) (500.000 đồng/con); T1 mua cám tổng hợp, dưỡng chất, mua thuốc giải độc, các vitamin C, D và khoáng chất, tổng cộng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Số dê vừa lớn, vừa nhỏ còn lại 17 con sức khỏe kém, yếu ớt, sức sống rất yếu không thể tiếp tục nuôi được trị giá 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) (2.500.000 đồng/con).

** Về giá trị tài sản đang tranh chấp trong vụ án là con dê*, ông H thống nhất với đơn giá thể hiện tại Công văn số 382/CCCNTY-CNTY ngày 19/8/2024 của Chi cục chăn nuôi và thú y Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận. Không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Ông T và ông Lê Văn H là anh em rể trong cùng 01 nhà. Đất của ông Đ và ông H giáp ranh với nhau được xác định bằng lưới B40. Khoảng giữa năm 2023, ông H có ý định trồng sầu riêng trên mảnh đất của ông H tại địa chỉ tổ F, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên ông T có hỏi xin được trồng cây dâu tằm chen vào sầu riêng của ông H, thì ông H đồng ý. Ông H nói ông T mua thuốc về xịt cỏ cho sạch đất. Thời điểm đó, ông Đ đang thả dê trên đất của ông H nên ông T

và ông H có báo với ông Đ việc phun thuốc diệt cỏ để ông lùa dê về nhốt trên đất mình. Lúc đó, ông T có nhìn thấy dê của ông Đ khá ốm yếu, nhìn không được khỏe mạnh. Sau đó, ông Đ lùa dê về. Khoảng 10 ngày sau ông T có nói với ông Đ 02 ngày hôm sau sẽ phun thuốc diệt cỏ, ông Đ nói cách xa ranh đất ra 05 m chừa lại không phun, ông T đồng ý và tiến hành phun thuốc diệt cỏ bằng thuốc Q7, khối lượng là 60 ml thuốc pha với 25 lít nước, phun trên diện tích 1.000 m^2. Ông T phun vào 09 giờ sáng, trời nắng ráo, không gần nguồn nước. Khoảng 03, 04 ngày sau ông T xuống kiểm tra thì thấy cỏ bị vàng thành từng mảng.

Khoảng 10 ngày sau, ông Đức B với ông H là dê của ông Đ bị sảy thai, ông H nói ông T sang nhà ông Đ, khi ông T sang thì thấy thôn trưởng thôn 1, xã M đã lập biên bản làm việc về nội dung dê bị sảy thai và chết. Trong nội dung có ghi mỗi bên chịu 01 nửa có nghĩa là lúc đó trong biên bản ghi chết 02 con dê cái, vì ông T muốn giải quyết cho xong chuyện nên đồng ý chịu tiền 01 con cho ông Đ.

10 ngày sau, thôn trưởng thôn 1, xã M tiếp tục mời ông T, ông H, ông Đ lên nhà văn hóa thôn làm việc. Ông Đ trình bày do ông T và ông H phun thuốc cỏ nên đàn dê bị sảy thai và chết, yêu cầu ông H bồi thường, số tiền cụ thể ông T không nhớ. Trong biên bản ông T trình bày, có thấy dê con chết nhưng không thấy dê mẹ chết, thực tế, ông T nghe vợ ông H nói lại là ông Đ mang sang nhà 02 con dê con chết, nhưng không thấy mang dê mẹ chết sang, do đó ông T không biết có bao nhiêu con dê chết thật sự và đến nay cũng chỉ biết qua biên bản ghi nhận sự việc của thôn trưởng tại nhà ông Đ mà thôi.

Khoảng tháng 12/2023, UBND xã M mời ông T lên làm việc. Ông T có lên 01 lát rồi đi về.

Nay, ông Đ yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại đàn dê của ông Trịnh Đ với tổng số tiền 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng) gồm: 15 con dê lớn chết trị giá 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) (5.000.000 đồng/con); 41 con dê chết do sảy thai trị giá 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) (500.000 đồng/con); T1 mua cám tổng hợp, dưỡng chất, mua thuốc giải độc, các vitamin C, D và khoáng chất, tổng cộng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Số dê vừa lớn, vừa nhỏ còn lại 17 con sức khỏe kém, yếu ớt, sức sống rất yếu không thể tiếp tục nuôi được trị giá 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) (2.500.000 đồng/con).

Ông T có ý kiến như sau: Từ lúc xảy ra sự việc cho đến nay, ông Đ không chứng minh và ông T không trực tiếp nhìn thấy thực tế có con dê mẹ nào chết, chỉ có ngày đầu tiên ông Đ mang sang nhà ông H 02 con dê con chết mà thôi.

- Khi phun thuốc cỏ, ông T có cách ranh đất ra 5m theo yêu cầu của ông Đ và khi phun không gần nguồn nước cho dê uống, loại thuốc ông T phun là thuốc sinh học Q7 là loại thuốc không ảnh hưởng lớn đến khu dân cư và nơi chăn nuôi.

Về giá trị tài sản đang tranh chấp trong vụ án là con dê, ông T thống nhất với đơn giá thể hiện tại Công văn số 382/CCCNTY-CNTY ngày 19/8/2024 của Chi cục chăn nuôi và thú y Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận. Không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản.

4. Ông Nguyễn Ngọc L làm nghề kinh doanh thuốc thú y trình bày: Giữa tháng 10/2023, ông Đ có gọi điện thoại nói dê của ông Đ bị sinh non và nói ông L đến. Khi đến nhà ông Đ, ông L thấy khoảng 05, 06 con dê mẹ đã sinh ra được dê con nhưng dê mẹ và dê con đều rất yếu, dấu hiệu của sinh non, ông L nói không cứu được dê con nhưng sẽ kê thuốc bổ và vitamin C để giải độc, không phải là thuốc điều trị bệnh. Ông quan sát thấy có khoảng 10 con dê con chết được ông Đ bỏ trong bao. Ông L có hỏi vì sao thì ông Đ nói là do hàng xóm xịt thuốc cỏ gây ảnh hưởng. Ông L nghe ông Đ nói là thuốc Q7. Ông L nhìn sang hàng xóm của ông Đ thì thấy cỏ đã vàng úa toàn bộ. Ông L quan sát toàn bộ đàn dê thì thấy tất cả đều không muốn ăn thức ăn, lơ ăn. Sau lần đó ông L không xuống thăm khám cho dê thêm lần nào. Theo kinh nghiệm làm thú y và quy định trong chăn nuôi thì khuyến cáo không phun thuốc cỏ gần đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là gia súc mang thai. Ông L không khẳng định với ông Đ là dê sinh non do thuốc xịt cỏ.

***/ Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng đã quyết định:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 144, 147, 157, 217, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đức đối V bị đơn ông Lê Văn H về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng – Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Đức N đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước khi nghị án; Các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (**HĐXX**) nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm; Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX*)* thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản là dê đang nuôi bị chết vì bị đơn nhờ người phun thuốc trừ cỏ, là nguyên nhân gây nên cái chết cho đàn dê của nguyên đơn. Như vậy theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh việc phun thuốc diệt cỏ của bị đơn có phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại cho đàn dê của nguyên đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh thu thập chứng cứ tại các cơ quan chuyên môn như Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh B (Cũ) (Nay là tỉnh Lâm Đồng), Cục T2 - Bộ N1 đã xác định được thuốc diệt cỏ ông H nhờ ông T phun không phải là chất cấm, hành vi phun thuốc không bị cấm tại thời điểm phun thuốc. Trước khi phun thuốc bị đơn đã báo cho nguyên đơn biết và nguyên đơn đã di chuyển đàn dê không cho qua đất của bị đơn ăn cỏ nữa.

[4] Tại thời điểm xảy ra sự kiện pháp lý, nguyên đơn không yêu cầu lập biên bản hiện trường để ghi nhận sự việc, chứng minh số lượng, trọng lượng dê chết. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm không còn mẫu vật giám định nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ thực hiện việc giám định mẫu vật. Từ đó không có chứng cứ để giám định việc dê chết có phải do ngộ độc thuốc diệt cỏ hay không. Trong khi đó nguyên đơn xác định khi biết ông T định phun thuốc thì ông Đ đã lùa đàn dê đi nhốt trong chuồng. Như vậy ông H đã cảnh báo trước và để ông Đ tự bảo quản tài sản của mình. Do đó thiếu chứng cứ để xác định việc phun thuốc sẽ làm chết dê.

[5] Như vậy do nguyên đơn không cung cấp chứng cứ đầy đủ nên nguyên đơn phải tự chịu trách nhiệm về hậu quả của việc không chứng minh được. Do đó, bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, là đúng pháp luật.

[6] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của kiểm sát viên.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng.

2. Căn cứ:

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Tuyên xử:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đức đối V bị đơn ông Lê Văn H về việc "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng – Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Đức P chịu án phí 8.690.000 đồng (Tám triệu sáu trăm chín

mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004160 ngày 22 tháng 01 năm 2024. Ông Đ còn phải nộp 4.990.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004944 ngày 13/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/3/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND KV17 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV17 – Lâm Đồng
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương